ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: LỊCH SỬ 10
CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC
BÀI 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Lịch sử là gì?
A. Những gì đang diễn ra ở hiện tại.
B. Những gì đã diễn ra trong quá khứ.
C. Những gì sẽ diễn ra ở tương lai.
D. Những gì diễn ra trong quá khứ và tương lai.

Câu 2. Lịch sử loài người là
A. toàn bộ hoạt động của con người từ khi xuất hiện cho đến nay.
B. là hoạt động về kinh tế - xã hội của con người từ khi xuất hiện cho đến nay.
C. là hoạt động về kinh tế - văn hóa - xã hội của con người từ khi xuất hiện cho đến.nay.
D. là hoạt động đấu tranh chống xâm lược và công tác trị thủy của con người.

Câu 3. Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ biểu hiện mối quan hệ giữa
A. con người với con người.
B. con người với tự nhiên qua quá trình tương tác.
C. tự nhiên với tự nhiên qua các hiện tượng.
D. con người với con người, con người với tự nhiên.

Câu 4. Hiện thực lịch sử là
A. tất cả những gì đang diễn ra ở hiện tại.
B. tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ.
C. tất cả những gì sẽ diễn ra ở tương lai.
D. những gì diễn ra trong quá khứ và tương lai.

Câu 5. Hiện thực lịch sử?
A. Tồn tại khách quan.
B. Tồn tại chủ quan.
C. Phụ thuộc vào ý muốn chủ quan.
D. Có thể thay đổi.**b)** Thông hiểu.

Câu 6. Khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người được gọi là:
A. Khảo cổ học. **B.** Lịch sử. **C.** Nhân học. **D.** Sử học.

Câu 7. Con người nhận thức lịch sử ở mức độ?
A. Hoàn toàn nhận thức được hiện thực lịch sử đã sảy ra.
B. Tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử đã sảy ra.
C. Chỉ nhận thức và tái hiện một phần hiện thực lịch sử đã sảy ra.
D. Không nhận thức được hiện thực lịch sử đã sảy ra.

Câu 8. Lịch sử được con người nhận thức và tái hiện, trình bày theo cách nào sau đây?
A. Thực hành các nghi lễ, phong tục tập quán.
B. Hiện vật lịch sử được lưu trữ trong các bảo tàng.
C. Hiện vật lịch sử được lưu giữ ngoài trời.
D. Sáng tạo ra các nghi lễ, phong tục tập quán mới.

Câu 9. Hãy xác định, ý nào sau đây thuộc khái niệm lịch sử được con người nhận thức?
A. Thực hành các nghi lễ, phong tục tập quán.
B. Hiện vật lịch sử được lưu trữ trong các bảo tàng.
C. Trình diễn, lập đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ.
D. Sáng tạo ra các nghi lễ, phong tục tập quán mới.

Câu 10. So với hiện thực lịch sử, lịch sử được con người nhận thức có đặc điểm gì?
A. Lịch sử được con người nhận thức luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử.
B. Lịch sử được con người nhận thức không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử.
C. Lịch sử được con người nhận thức thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử.
D. Lịch sử được con người nhận thức có tính độc lập, khách quan với hiện thực lịch.sử.

Câu 11. Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về nguyên tắc trung thực của sử hoc?
A. Nhà sử học có nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử.
B. Nhà sử học phải chủ quan trong nghiên cứu.
C. Nhà sử học phải hiểu biết nhiều về lịch sử.
D. Nhà sử học có nhiệm vụ tôn trọng lịch sử.

Câu 12. Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và rút ra bài học kinh nghiệm hiện tại là chức năng nào của sử học?

A. Chức năng xã hội. **B.** Chức năng khoa học **C.** Chức năng giáo dục. **D.** Chức năng dự báo.

Câu 13. Nhiệm vụ nào là quan trọng nhất trong công tác chuẩn bị sử liệu khi tiến hành tìm hiểu và khám phá lịch sử?

A. Sưu tầm, tìm kiếm thông tin sử liệu. **B.** Thẩm định nguồn thôn tin sử liệu.

C. Sưu tầm và xử lí thông tin sử liệu. **D.** Đánh giá nguồn thông tin sử liêu.

Câu 14. Sử học vừa phải phản ánh sự thật trong quá khứ, nhưng không kích động hận thù, xung đột hoặc kỳ thị, phân biệt đối xử. Đây là nguyên tắc nào của sử học?

A. Khách quan, tiến bộ. **B.** Chủ quan, khoa học. **C.** Nhân văn, tiến bộ. **D.** Trung thực, nhân văn.

Câu 15. Xác định nội dung nào sau đây không phải là chức năng của sử học?

A. Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức. **B.** Rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống.

C. Khôi phục các sự kiện lịch sử trong quá khứ. **D.** Góp phần dự báo về tương lai của đất nước.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, "đứng trước khả năng phải bắt buộc cầm súng đánh thực dân, Bác Hồ sai người đi tìm cuốn Việt Nam sử lược-khi đó là cuốn sách duy nhất biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà để trao cho các vị lãnh đạo cuộc kháng chiến đọ**c)** Không chỉ chí khí của người xưa mà nhiều bài học về cách đánh và cách thắng của. ông cha chúng ta đem lại những tri thức rất bổ ích cho cuộc chiến đấu ở thế kỉ XX".
(Dương Trung Quốc, Võ Nguyên Giáp dưới góc nhìn của người viết sử, Báo Tuổi trẻ ngày 6-5-2004)

a) Đoạn tư liệu nhấn mạnh quan điểm của Võ Nguyên Giáp về vị trí, tầm quan trọng của.bộ môn Lịch sử trong việc giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân.

b) Toàn bộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta trong thế kỉ XX chỉ có thể được khôi phục lại.qua cuốn Việt Nam sử lược.

c) Một trong những chức năng của Sử học được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên chính là.giúp thế hệ sau có nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để chiến đấu chống thực dân

d) Chức năng xã hội của cuốn Việt Nam sử lược được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là."biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà".

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:
"Vì sao mà làm quốc sử? Vì sử chủ yếu là để ghi chép sự việc. Có chính trị của. một đời tất phải có sử một đời. Mà ngòi bút chép sử giữ nghị luận rất nghiêm, ca ngợi đời thịnh trị thì sáng tỏ ngang với mặt trời, mặt trăng, lên án kẻ loạn tặc thì gay gắt như sương thu lạnh buốt, người thiện biết có thể bắt chước, người ác biết có thể tự răn, quan hệ đến việc chính trị không phải là không nhiều. Cho nên làm sử là cốt để cho được như thế".
(Bài Tựa sách Đại Việt sử ký bản tục biên, Phạm Công Trứ)

a) Bài tựa sách của Phạm Công Trứ tóm tắt lại nội dung một tác phẩm văn học.

b) Phạm Công Trứ khẳng định việc viết quốc sử chỉ nhằm giáo dục và nêu gương.

c) Đoạn trích cung cấp tri thức về chức năng và nhiệm vụ của Sử học.

d) Đoạn trích phản ánh các nội dung khác nhau của khái niệm lịch sử.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:
Câu chuyện "Thôi Trữ giết vua"
Thời Chiến Quốc, Tề Trang Công bị Thôi Trữ là quan đại phu nước Tề giết chết. Thôi Trữ lệnh cho Thái sử Bá (quan chép sử) viết: "Tề Trang Công chết do bị sốt rét", để che giấu sự thật. Thái sử Bá không chịu, kiên quyết viết rằng: "Thôi Trữ giết vua Quang (tức Tề Trang Công)". Thôi Trữ nổi giận, giết chết Thái sử Bá.

Thái sử Bá có ba người em trai là Trọng, Thúc, Quý. Trọng và Thúc được gọi đến và cũng chép vào sách sử câu chữ đúng như người anh đã viết. Thôi Trữ lại giết Trọng và Thúc. Còn lại Quý cũng cầm lấy thẻ sách viết đúng như câu của ba người anh.
Thôi Trữ cầm sách xem, hỏi Quý: "Ba người anh của nhà ngươi đều vì câu này mà bị giết chết, lẽ nào ngươi không biết quý tiếc mạng sống của mình sao?".
Quý ung dung đáp rằng: "Viết đúng sự thật là chức trách của quan chép sử. Nếu vì cầu sống mà làm chuyện sai trái, vậy thần thà chết còn hơn!".
Thôi Trữ nghe xong đành trả lại thẻ sách cho Quý và không giết ông nữa.
(Theo Khổng Tử, Xuân Thu tam truyện, Tập 4, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.168-170)

a) Các quan chép sử nhà Tề có hành động giống hệt nhau là viết đúng sự thật Thôi Trữ giết.vua vào sử sách.

b) Câu chuyện cho thấy nguyên tắc trung thực, khách quan trong ghi chép Sử có thể được.vận dụng linh hoạt cho từng tình huống.

c) Thái sử Bá, Thái sử Trọng có nguyên tắc ghi chép sử khác với Thái sử Thúc và Thái sử.Quý.

d) Câu chuyện có tác dụng giáo dục, nêu gương lớn đối với những người nghiên cứu lịch.sử hiện nay.

Phần III: Tự luận

Câu 1. Trình bày khái niệm lịch sử ?

Câu 2. Cho biết khái niệm hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử ? Cho ví dụ?

BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Giữa quá khứ, hiện tại và tương lai luôn luôn phải

A. gắn bó, liên hệ chặt chẽ với nhau. **B.** tồn tại độc lập và hỗ trợ với nhau.
C. tồn tại song song, gắn bó với nhau. **D.** gắn bó và luôn thống nhất với nhau.

Câu 2. Nhờ vào đâu con người biết về nguồn gốc tổ tiên của bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc?

A. Tiến hó.a) **B.** Nghiên cứu. **C.** Học tập. **D.** Lịch sử.

Câu 3. Yếu tố cốt lõi nào tạo nên ý thức dân tộc và bản sắc văn hóa của cộng đồng dân tộc?

A. Nghiên cứu và học tập. **B.** Dự đoán được tương lai.
C. Hiểu biết về lịch sử. **D.** Hiểu biết về hiện tại.

Câu 4. Một trong những yếu tố giúp chúng ta hội nhập thành công với khu vực và thế giới trong xu thế hiện nay là phải

A. học tập về lịch sử thế giới. **B.** giao lưu học hỏi về lịch sử.
C. hiểu biết sâu sắc về lịch sử. **D.** tham gia diễn đàn lịch sử.

Câu 5. Khám phá lịch sử giúp con người hiểu biết được

A. vai trò của lịch sử. **B.** văn minh nhân loại. **C.** bản chất của xã hội. **D.** khả năng của bản thân.

Câu 6. Nhận định nào sau đây là không đúng khi nói đến việc: trong cuộc sống hàng ngày chúng ta đã và đang bắt gặp lịch sử ở khắp mọi nơi?

A. Lịch sử hiện hữu trong mỗi nếp nhà. **B.** Lịch sử hiện hữu trên từng con phố.
C. Lịch sử hiện hữu trong mỗi bản làng. **D.** Lịch sử hiện hữu trong từng bài học.

Câu 7. Nội dung nào không phải là tác dụng trong việc khám phá và nghiên cứu lịch sử?

A. Hiểu biết được những thành tựu và văn minh nhân loại.
B. Hiểu biết được những kinh nghiệm quý báu từ lịch sử.
C. Rút ra những bài học có giá trị từ lịch sử.
D. Tạo ra một kho tàng tri thức cho nhân loại.

Câu 8. Hình thức nào không phải cách người xưa lưu giữ, truyền lại cho thế hệ sau những truyền thống, tri thức, khát vọng khi chưa có ghi chép, thư tịch, nghiên cứu?

A. Khắc họa trên vách đá, đồ vật. **B.** Ghi chép lại những gì diễn ra.
C. Khắc họa trên đồ vật. **D.** Thực hành các nghi lễ.

Câu 9. Nội dung nào không phải là hình thức tìm hiểu và học tập lịch sử bằng hoạt động thực tế?
A. Nghe kể những câu chuyện lịch sử. **B.** Tham quan các khu tưởng niệm.
C. Tham quan các di tích lịch sử. **D.** Tham quan các bảo tàng lịch sử.

Câu 10. Một trong những hình thức mà người xưa lưu giữ và truyền lại cho thế hệ sau những truyền thống, tri thức, khát vọng khi chưa có ghi chép, thư tịch, nghiên cứu là
A. khắc họa trên vách đá, đồ vật. **B.** lưu trữ tư liệu sản xuất hàng ngày.
C. ghi chép lại những gì đã diễn ra. **D.** nghiên cứu, khắc họa trên đồ vật.

Câu 11. Tri thức lịch sử không phản ánh vai trò nào sau đây?
A. Góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị lịch sử.
B. Trang bị những hiểu biết sâu sắc hơn về quá khứ.
C. Là sơ sở để các cộng đồng cùng chung sống.
D. Đặt nền móng cho phát minh về khoa học công nghê.

Câu 12. Nội dung nào phản ánh không đúng khi nói đến sự cần thiết của việc học tập và khám phá lịch sử hiện nay?
A. Học tập lịch sử chỉ diễn ra khi còn ngồi trên ghế nhà trường.
B. Học tập lịch sử diễn ra mọi lúc, mọi nơi trong cuộc sống.
C. Học tập lịch sử thông qua tham quan di tích, bảo tàng lịch sử.
D. Học tập lịch sử thông qua phim ảnh, âm nhạc, truyện kể.

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phản ánh ý nghĩa của tri thức lịch sử?
A. Giúp con người nhận thức sâu về nguồn cội.
B. Giúp con người rút ra kinh nghiệm từ quá khứ.
C. Giúp con người có thể thay đổi được quá khứ.
D. Giúp con người có thể dựu báo được tương lai.

Câu 14. Nhận định nào sau đây phản ánh không đúng khi nói đến sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời?
A. Tri thức lịch sử luôn biết đổi và phát triển không ngừng.
B. Tri thức lịch sử gắn liền với sự xuất hiện nguồn sử liệu mới.
C. Nhận thức về sự kiện, hiện tượng lịch sử có thể thay đổi.
D. Nhận thức lịch sử phụ thuộc vào nội dung nghiên cứu.

Câu 15. Nội dung nào sau đây không phải là lí do cần học tập lịch sử suốt đời?
A. Cần vận dụng tri thức lịch sử vào cuộc sống. **B.** Cần bỏ qua quá khứ để hướng tới tương lai.
C. Lịch sử còn nhiều bí ẩn cần khám phá. **D.** Giúp chung ta chung sống với thế giới.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:
Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán, do Nguyễn Trãi soạn thảo năm 1428, thay lời Lê Lợi để tuyên cáo về việc đã giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, khẳng định nền độc lập của quốc gia Đại Việt. Văn bản này vừa có giá trị đặc biệt đối với Văn học, vừa giúp các nhà sử học tìm hiểu và trình bày lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn một cách sống động, chi tiết về thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện.

a) Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán vào thế kỉ XVI.
b) Đại cáo bình Ngô là tài liệu có giá trị lớn về lịch sử, văn học và tư tưởng.
c) Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chỉ có thể được khôi phục qua Đại cáo bình Ngô.
d) Đại cáo bình Ngô là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Nhận thức về đối tượng nghiên cứu của Sử học xuất hiện từ khi con người biết ghi chép về lịch sử. Nhưng trong xã hội có giai cấp, quan niệm về đối tượng của Sử học thường có sự khác biệt: Sử học phương Đông thời cổ - trung đại chủ yếu ghi chép về hoạt động của vua, quan, triều đình,…; Sử học mác – xít cho rằng lịch sử xã hội loài người là lịch sử của quần chúng, lịch sử của những phương thức sản xuất kế tiếp nhau.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr. 6)

a) Ngay từ khi xuất hiện, con người đã có nhận thức đúng đắn về đối tượng nghiên cứu của.Sử học.

b) Trong thời kì cổ - trung đại, Sử học phương Đông thường thiên về ghi chép những.chuyện liên quan đến nhà vua và triều đình mà ít chú ý đến đối tượng quần chúng.

c) Nhận thức về đối tượng của Sử học có sự khác nhau giữa thời kì cổ - trung đại với thời.kì hiện đại.

d) Theo quan điểm của Sử học mác – xít, đối tượng nghiên cứu của lịch sử là toàn bộ hoạt.động của con người diễn ra trong quá khứ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, "đứng trước khả năng phải bắt buộc cầm súng đánh thực dân, Bác Hồ sai người đi tìm cuốn Việt Nam sử lược – khi đó là cuốn sách duy nhất biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà để trao cho các vị lãnh đạo cuộc kháng chiến đọc. Không chỉ chí khí của người xưa mà nhiều bài học về cách đánh và cách thắng của ông cha chúng ta đem lại những tri thức rất bổ ích cho cuộc chiến đấu ở thế kỉ XX".

(Dương Trung Quốc, Võ Nguyên Giáp dưới góc nhìn của người viết sử, Báo Tuổi trẻ ngày 6 – 5 – 2004)

a) Đoạn tư liệu nhấn mạnh quan điểm của Võ Nguyên Giáp về vị trí, tầm quan trọng của.bộ môn Lịch sử trong việc giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân.

b) Toàn bộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta trong thế kỉ XX chỉ có thể được khôi phục lại.qua cuốn Việt Nam sử lược.

c) Một trong những chức năng của Sử học được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên chính là.giúp thế hệ sau có nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để chiến đấu chống thực dân

d) Chức năng xã hội của cuốn Việt Nam sử lược được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là."biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà".

Phần III: Tự luận

Câu 1. Hãy nêu cách thức thu thập, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình học tập và khám phá lịch sử?

Câu 2. Em hãy cho biết kiến thức, bài học lịch sử có mối liên hệ như thế nào với cuộc sống hiện tại? Cho ví dụ minh họa để kết nối kiến thức lịch sử vào cuộc sống.

CHỦ ĐỀ 2. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

BÀI 3: SỬ HỌC VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA, DI SẢN THIÊN NHIÊN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản là phải đảm bảo tính

A. kế thừa). **B.** nguyên trạng. **C.** tái tạo. **D.** nhân tạo.

Câu 2. Cơ sở khoa học cho công tác xác định giá trị, bảo tồn và phát huy giá trị đích thực của di sản là kết quả nghiên cứu

A. Sử học). **B.** Địa lí. **C.** Văn học). **D.** Toán học.

Câu 3. Tổ chức quốc tế nào sao đây ghi danh, công nhận các danh mục di sản văn hóa thế giới?

A. ASEAN. **B.** NATO. **C.** UNESCO. **D.** WTO.

Câu 4. Trong xu thế hội nhập hiện nay, một trong những ngành có thế mạnh và giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội ở nhiều quốc gia là

A. du lịch. **B.** kiến trúc). **C.** thương mại. **D.** dịch vụ.

Câu 5. Ngành nào sao đây đã góp phần thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử của các quốc gia ?

A. Du lịch. **B.** Kiến trúc). **C.** Kinh tế. **D.** Dịch vụ.

Câu 6. Công tác bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi…di sản được xem là nhiệm vụ

A. thường xuyên. **B.** lâu dài. **C.** trước mắt. **D.** xuyên suốt.

Câu 7. Một trong những khía cạnh về giá trị của một di sản là

A. lịch sử. **B.** địa lí. **C.** văn học). **D.** giáo dục.

Câu 8. Di sản nào sao đây được xem là di sản văn hóa vật thể ?

A. Đàn ca tài tử. **B.** Nghệ thuật ca trù. **C.** Hát xướng, hát xoan. **D.** thành quách, lăng tẩm.

Câu 9. Di sản nào sao đây được xem là di sản văn hóa phi vật thể ?

A. Cung điện. **B.** Nhà cổ. **C.** Lăng tẩm. **D.** Hát xoan.

Câu 10. Chất liệu để xây dựng di sản văn hóa vật thể là

A. thạch cao. **B.** đất. **C.** xi măng. **D.** nước.

Câu 11. Biện pháp bảo tồn di sản có hiệu quả hiện nay là

A. sưu tầm, lưu giữ, truyền nghề, trình diễn. **B.** cổ động, tái tạo, làm mới, nhân bản.

C. tái tạo, nhân bản, truyền nghề, trình diễn. **D.** làm mới, nhân bản, cổ động, lưu giữ.

Câu 12. Vai trò của nhà nước trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản hiện nay là gì?

A. Cung cấp vốn và nhân lực. **B.** Quản lí các di sản văn hóa.

C. Là chủ thể, đóng vai trò then chốt. **D.** Trực tiếp tham gia bảo vệ và bảo tồn.

Câu 13. Di dản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị của mình sẽ góp phần phát triển

A. kinh tế - chính trị. **B.** kinh tế - văn hóa. **C.** kinh tế - xã hội. **D.** chính trị - xã hội.

Câu 14. Nội dung nào sao đây không phải là vai trò của du lịch trong việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa?

A. Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển.

B. Quảng bá lịch sử, văn hóa cộng đồng.

C. Kết nối, nâng cao vị thế của ngành du lịch, lịch sử.

D. Góp phần ổn định an ninh chính trị của quốc gia.

Câu 15. Du lịch có vai trò như thế nào trong việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa?

A. Nguồn lực hỗ trợ. **B.** Can thiệp trực tiếp. **C.** Hoạch định đường lối. **D.** Tổ chức thực hiện.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Dân ca quan họ là loại hình văn hóa dân gian được hình thành từ lâu đời. Từ 49 làng Quan họ cổ, đến nay đã có 369 làng Quan họ thực hành, 381 câu lạc bộ Dân ca Quan họ với trên 10 000 người ở các độ tuổi tham gia (trong đó có hơn 600 người có khả năng truyền dạy cho lớp trẻ). Dân ca Quan họ là biểu tượng văn hóa trong quá trình hội nhập văn hóa quốc tế, đã lan ra khắp vùng Kinh Bắc và nhiều địa phương trên cả nước, phát triển mạnh trong cộng đồng kiều bào ở Đức, Pháp, Séc, Nga,…

Dân ca Quan họ đã được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2009). Sử học đã góp phần quan trọng vào bảo tồn và phát huy giá trị của Dân ca quan họ.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.13)

a) Dân ca quan họ là một loại hình di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam đã được.UNESCO ghi danh.

b) Giá trị của dân ca Quan họ đã được xác định đúng và được phát huy nhờ những nghiên.cứu của Sử học.

c) Việc phát triển các làng quan họ, các câu lạc bộ Dân ca Quan họ là một thành công của.công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

d) Việc quảng bá hình ảnh, giá trị của Dân ca Quan họ trong cả nước và ra nước ngoài là.nhiệm vụ duy nhất của những nhà nghiên cứu Sử học.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1987, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO ghi danh thành phố Vơ – ni – dơ và đầm phá Vơ – ni – dơ (I – ta – li – a. vào Danh mục Di sản Thế giới. Vơ – ni – dơ là một trong những điểm đến du lịch phổ biến và nổi tiếng của châu Âu, là thành phố mang tính biểu tượng, có giá trị lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và hình ảnh đất nước I – ta –li – a.

Năm 2021, UNESCO đưa ra khuyến cáo đối với chính quyền thành phố Vơ – ni – dơ cần "quản lý du lịch bền vững hơn". Ngày 13 – 7 – 2021, Chính phủ I – ta – li – a ra lệnh cấm các tàu du lịch lớn vào trung tâm thành phố Vơ – ni – dơ để bảo tồn hệ sinh thái và di sản vùng đầm phá này.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.14)

a) Thành phố Vơ – ni – dơ và đầm phá Vơ – ni – dơ là di sản văn hóa phi vật thể của đất.nước I - ta - li - a đã được UNESCO ghi danh.

b) Nhờ giá trị lịch sử, văn hóa, kết hợp cảnh quan độc đáo, Vơ – ni – dơ đã trở thành một.điểm đến du lịch nổi tiếng của I – ta – li – a và toàn châu Âu.

c) Năm 2021, tổ chức UNESCO đưa ra khuyến cáo đối với chính quyền thành phố Vơ -ni-.dơ cần "quản lí du lịch bền vững hơn" nhằm bảo tồn hệ sinh thái và di sản vùng đầm phánày.

d) Năm 2021, Chính phủ I – ta – li – a đã hạn chế tác động xấu từ bên ngoài đối với thành.phố và đầm phá Vơ – ni – dơ thông qua việc cấm các tàu du lịch lớn vào trung tâm thànhphố.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Việt Nam được bầu chọn là "Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa" (2020) và "Điểm đến du lịch bền vững hàng đầu châu Á" (2021) là nhờ có hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa và di sản thiên nhiên đa dạng phân bố trên khắp cả nước, như Phố cổ (Hà Nội), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh),…Điểm chung của các địa danh này chính là sức hấp dẫn của các yếu tố về lịch sử, văn hóa, cảnh quan. Đây cũng là những nơi còn lưu giữ được dấu ấn lịch sử, văn hóa truyền thống một cách có hệ thống, được chính phủ và chính quyền địa phương quan tâm kết hợp bảo tồn và khai thác khoa học.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.15)

a) Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về vai trò của Sử học đối với công tác bảo tồn và phát.huy giá trị của di sản văn hóa.

b) Các di tích lịch sử - văn hóa là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quý giá giúp.Việt Nam được bình chọn là "Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hóa"năm 2020.

c) Phố cổ (Hà Nội), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ.Long (Quảng Ninh) đều là các di tích lịch sử - văn hóa có sức hấp dẫn của nước ta.

d) Các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của nước ta được chính phủ và chính quyền địa.phương quan tâm kết hợp bảo tồn và khai thác khoa học thông qua các hoạt động quảng bávà du lịch.

Phần III: Tự luận

Câu 1. Nêu vai trò của sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

Câu 2. Trình bày tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử văn hóa. Cho ví dụ.

CHỦ ĐỀ 3. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH CỔ - TRUNG ĐẠI
BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Đâu là khái niệm văn minh của loài người?

A. Là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.

B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và văn hóa.

C. Là sự đi đầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

D. Là sự chuyển hóa thành công từ vượn thành người.

Câu 2. Đâu là khái niệm văn hóa của loài người?

A. Là những đòi hỏi của con người về vật chất và tinh thần.

B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và khoa học công nghệ.

C. Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.

D. Là những tiêu chuẩn cơ bản để cải thiện cuộc sống của con người.

Câu 3. Nhà nước đầu tiên của người Ấn Độ vào thời cổ đại được xây dựng ở lưu vực

A. sông Hoàng Hà. **B.** sông Ấn. **C.** sông Hằng. **D.** sông Trường Giang.

Câu 4. Đâu là một trong bốn phá minh lớn của người Trung Hoa vào thời cổ -trung địa và thế giới vẫn còn tiếp tục sử dụng đến ngày nay?

A. Phát minh ra la bàn. **B.** Chế tạo bê tông.

C. Nêu ra thuyết nguyên tử. **D.** Giỏi về giải phẩu người.

Câu 5. Loại hình kiến trúc tiêu biểu nhất của người Ai Cập cổ đại là

A. Tháp Thạt Luổng. **B.** các kim tự tháp.

C. Đấu trường Rô-m.a) **D.** Vạn lí trường thành.

Câu 6. Đâu không phải là thành tựu về toán học của người Trung Hoa thời cổ -trung đại đạt được?

A. Phát minh ra bàn tính. **B.** Sử dụng hệ số đếm thập phân.

C. Tính được số pi tới 7 chữ số. **D.** Đã sử dụng phép tính cộng và trừ.

Câu 7. Văn học Ấn Độ trở thành nguồn cảm hứng không chỉ trong nước mà nó còn lan một số nơi khác trên thế giới, tiêu biểu là ở khu vực nào?

A. Phía Tây châu Á. **B.** Đông Bắc Á. **C.** Đông Nam Á. **D.** Châu Đại Dương.

Câu 8. Yếu tố cơ bản của nền văn minh Trung Hoa thời cổ-trung đại là ngành

A. thủ công nghiệp. **B.** chăn nuôi. **C.** nông nghiệp. **D.** thương nghiệp.

Câu 9. Tiêu biểu nhất cho nền văn học Trung Hoa thời cổ-trung địa là loại hình nào?

A. Truyền thuyết, truyện ngắn. **B.** Thơ Đường, tiểu thuyết.

C. Thơ ca, truyện ngụ ngôn. **D.** Văn học viết, thần thoại.

Câu 10. Vì sao nền văn minh Ai Cập ra đời trên lưu vực sông Nin?

A. Đã hình thành nên "Vùng đất đỏ". **B.** Nơi đây có nhiều làng mạc.

C. Có vị trí thuận lợi về giao thông. **D.** Ở đây đất đai màu mở, phì nhiêu.

Câu 11. Vì sau các nền văn minh ở phương Đông ra đời sớm, khoảng nửa sau thiên niên kỉ thứ IV TCN?

A. Vì phương Đông là nơi phát sinh nguồn gốc loài người.

B. Có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thích hợp trồng cây lúa nước.

C. Có đường bờ biển dài, thuận lợi để buôn bán đường biển phát triển.

D. Đất đai màu mở, phì nhiêu, thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

Câu 12. Điểm khác biệt của nền văn minh Ai Cập so với các nền văn minh khác ra đời ở phương Đông về

A. ngành kinh tế chính. **B.** vị trí địa lí hình thành.

C. hệ thống chính trị. **D.** quá trình mở rộng lãnh thổ.

Câu 13. Điểm khác biệt của nền văn minh Trung Hoa so với các nền văn minh khác ra đời ở phương Đông về

A. ngành kinh tế chính. **B.** dân cư sáng tạo nên.

C. hệ thống chính trị. **D.** quá trình mở rộng lãnh thổ.

Câu 14. Nhận định nào đúng về ý nghĩa những thành tựu của văn minh Ấn Độ đạt được?

A. Góp phần thúc đẩy chế độ phong kiến ra đời sớm nhất ở phương Đông.

B. Là mối liên hệ về tri thức, khoa học,...giữa phương Đông và phương Tây.

C. Là minh chứng cho sự ảnh hưởng của nền văn minh này đối với châu Âu.

D. Đóng góp quan trọng vào kho tàng tri thức của nhân loại.

Câu 15. Đâu không phải là thành tựu về toán học của người Trung Hoa thời cổ-trung đại đạt được?

A. Phát minh ra bàn tính.
B. Sử dụng hệ số đếm thập phân.
C. Tính được số pi tới 7 chữ số.
D. Đã sử dụng phép tính cộng và trừ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Văn minh có mối liên hệ chặt chẽ với văn hoá. Văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Văn minh là những thành tựu cùng trạng thái tiến bộ về cả vật chất và tinh thần của xã hội loài người, là sự phát triển cao của nền văn hoá. Văn minh có nghĩa là đã thoát khỏi thời kì nguyên thuỷ, theo nghĩa đó, trái với văn minh là trạng thái "dã man".

Trích nguồn sách giáo khoa Cánh Diều Lịch sử lớp 10, tr 18

a) Văn minh là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa.
b) Văn minh xuất hiện đồng thời cùng với loài người.
c) Văn hoá gồm những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra từ khi.xuất hiện cho đến nay.
d) Văn minh ra đời trước, văn minh là nền tảng phát triển của văn hóa.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Giống như ở những nơi khác, Trung Quốc cổ đại phải đối mặt với thách thức do sự xuất hiện của các dân tộc du mục ở biên giới của mình. Tuy nhiên, không giống như Ha-ráp-pa, Xu-me và Ai Cập, Trung Quốc cổ đại đã vượt qua thách thức đó, nhiều thể chế và giá trị văn hoá của nền văn minh này vẫn tồn tại nguyên vẹn đến đầu thế kỉ XX. Vì lí do đó, nền văn minh Trung Hoa đôi khi được mô tả là nền văn minh tồn tại liên tục lâu đời nhất trên thế giới.

(Theo Uy-li-am G. Đu-khơ, Giắc-xơn G. Spi-en-vô-ghen, Lịch sử thế giới (bản tiếng Anh), Sdd, tr68)

a) Nền văn minh Xu-Me, Trung Hoa thời cổ đại tồn tại liên tục, lâu đời nhất ở.phương Đông và có ảnh hưởng sâu sắc đến văn minh thế giới.
b) Nhiều giá trị văn hoá của văn minh Trung Hoa vẫn tồn tại nguyên vẹn đến đầu thế.kỉ XX
c) Đến thời kì trung đại, văn minh Ấn Độ và Trung Hoa tiếp tục được phát triển đến.khi bị các nước thực dân phương Tây xâm lược và đô hộ (cuối thế kỉ XIX).
d) Đến thời trung đại nền văn minh Ai Cập không còn tiếp tục phát triển nữa.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Cư dân Ai Cập cổ đại sáng tạo ra chữ tượng hình mô phỏng vật thật để nói lên ý nghĩ của mình. Họ thường viết chữ trên giấy Pa-pi-rút hoặc khắc trên đá. Chữ viết phản ánh trình độ tư duy của cư dân Ai Cập, là phương tiện chủ yếu lưu giữ thông tin từ đời này qua đời khác, đồng thời là cơ sở để người đời sau nghiên cứu về văn hoá thời kì cổ đại.

Trích nguồn sách giáo khoa Chân trời sáng tạo Lịch sử lớp 10, tr19

a) Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về thành tựu chữ viết của cư dân Ai cập thời kì cổ-.trung đại..
b) Hệ thống chữ viết cổ nhất của người Ai Cập được gọi là chữ tượng hình.
c) Chữ viết là phương tiện chủ yếu lưu giữ thông tin.
d) Là phương thức để thống nhất các công xã nông thôn.

Phần III: Tự luận

Câu 1. Trình bày khái niệm văn minh. Phân biệt khái niệm văn minh với văn hóa

Câu 2. Trình bày những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại? Ý nghĩa của các thành tựu văn minh đó?

CHỦ ĐỀ 3. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI
BÀI 5: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY CỔ - TRUNG ĐẠI

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Thành tựu tính lịch 1 năm có 365 ngày và ¼ ngày là thành quả rất lớn của người
A. Hy Lạp. **B.** La Mã. **C.** Ai Cập. **D.** Trung Quốc.

Câu 2. Đền Pác-tê-nông là thành tựu của người Hy Lạp – La Mã cổ đại trên lĩnh vực:
A. kiến trú.c) **B.** điêu khă .c) **C.** hội họa. **D.** xây dựng.

Câu 3. Quê hương của triết học phương Tây là:
A. văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại. **B.** văn minh Ấn Độ cổ đại.
C. văn minh Trung Hoa cổ đại. **D.** văn minh Hy Lạp – Rô Ma.

Câu 4. về văn học, người Hy Lạp cổ đại đã sáng tạo ra những tác phẩm nổi tiếng nào?
A. Bộ sử thi l-li-át. **B.** Nhiều vở kịch của tác giả Ê-sin.
C. Bộ sử thi ô-đi-xê. **D.** Hai bộ sử thi l-li-át và ô-đi-xê.

Câu 5. Hệ thống chữ cái Tiếng Việt (chữ Quốc ngữ) thuộc :
A. chữ tượng hình. **B.** chữ tượng ý. **C.** chữ La-tinh. **D.** chữ Việt cổ.

Câu 6. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng và đầy đủ ý nghĩa những cống hiến về khoa học, kĩ thuật của người Hy Lạp – La Mã cổ đại?
A. Đặt nền tảng cho sự phát triển khoa học, kĩ thuật hiện đại.
B. Giúp các nhà khoa học phát huy tài năng lỗi lạc của mình.
C. Mở đầu cho những hiểu biết của con người về khoa học.
D. Giúp cho con người hiểu biết chính xác về Thiên văn học.

Câu 7. Italia trở thành quê hương của phong trào văn hóa Phục hưng không xuất phát từ nguyên nhân nào sau đây?
A. Italia là quê hương của nền văn minh Rô-ma cổ đại.
B. Kinh tế phát triển làm nền tảng cho tri thức và nghệ thuật.
C. Là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa từ thời cổ đại.
D. Italia là nơi giao thoa của các nền văn hóa Đông – Tây.

Câu 8. Phong trào văn hóa Phục hưng được đánh giá là :
A. một cuộc cách mạng của tầng lớp quý tộc và tăng lữ.
B. cuộc đấu tranh của tầng lớp quý tộc chống lại tư sản.
C. bước tiến kì diệu của văn minh phương Tây.
D. bước tiến thần kì của văn minh phương Đông.

Câu 9. Điểm khác biệt của nền văn minh cổ đại phương Đông so với nền văn minh cổ đại phương Tây là:
A. chỉ đạt được thành tựu to lớn trên lĩnh vực hội họa và âm nhạc.
B. tất cả các lĩnh vực văn hóa đều đạt trình độ hoàn hảo và có giá trị cao.
C. hình thành muộn hơn nhưng có tính chính xác và hiểu biết cao hơn.
D. đều hình thành cùng thời gian nhưng phương Đông phát triển cao hơn.

Câu 10. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa phong trào văn hóa phục hưng?
A. Lên án gay gắt Giáo hội Cơ Đốc giáo. **B.** Chống lại chế độ phong kiến lỗi thời.
C. Đề cao giá trị con người, tinh thần dân tộc. **D.** Cũng cố chính quyền cai trị.

Câu 11. Văn minh phương Đông và phương Tây cổ đại có điểm tương đồng nào sau đây?
A. Có độ chính xác, khái quát hóa cao trên mọi lĩnh vực.
B. Để lại những giá trị lớn cho nền văn minh nhân loại.
C. Đạt được thành tựu to lớn nhất trong lĩnh vực toán học.
D. Đều bắt nguồn từ nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Câu 12. Nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ về khoa học – kĩ thuật của thế giới trong các giai đoạn tiếp theo của văn minh nhân loại bắt nguồn từ:
A. những cống hiến về khoa học kĩ thuật của người Hy Lạp – La Mã.

B. những cống hiến về khoa học kĩ thuật của người Ấn Độ.

C. những cống hiến về khoa học kĩ thuật của người Ai Cập.

D. những cống hiến về khoa học kĩ thuật của người Trung Hoa.

Câu 13. Nền tảng những thành tựu về tư tưởng, tri thức của phương Tây thời cận – hiện đại là:

A. triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại.

B. triết học Ấn Độ cổ đại.

C. triết học Trung Hoa cổ đại.

D. triết học Hy Lạp – Rô Ma.

Câu 14. Vì sao phong trào Văn hóa Phục hưng được đánh giá là một "Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại"?

A. Là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên giai cấp tư sản chống thế lực phong kiến.suy tàn.

B. Mở ra những vùng đất mới, con đường mới và những dân tộc mới.

C. Thị trường thế giới được mở rộng, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.

D. Thúc đẩy quá trình khủng hoảng, tan rã của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

Câu 15. Tạo sao nền sản xuất nông nghiệp ở phương Tây cổ đại không thể phát triển được như ở phương Đông cổ đại?

A. Các quốc gia cổ đại phương Tây hình thành ở ven Địa Trung Hải.

B. Phần lớn lãnh thổ là núi và cao nguyên, đất đai khô rắn, rất khó canh tác.

C. Khí hậu ở đây khắc nghiệt không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

D. Sản xuất nông nghiệp không đem lại nguồn lợi lớn bằng thủ công nghiệp và buôn.bán.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Nền văn minh Hy Lạp có cơ sở đầu tiên từ thiên kỉ III TCN, nhưng tiêu biểu cho nền văn minh Hy Lạp là những thành tựu từ khoảng thế kỉ VII TCN trở về sau. Đến thế kỉ VI TCN, nhà nước La Mã bắt đầu thành lập. Kế thừa và phát triển văn minh Hy Lạp, La Mã trở thành trung tâm văn minh thứ hai ở phương Tây. Đến thế ki II TCN, La Mã chinh phục Hy Lạp và tiếp đó chinh phục các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp ở phương Đông, trở thành đế quốc rộng lớn, hùng mạnh, duy nhất ở phương Tây. Văn minh La Mã vốn chịu ảnh hưởng của văn minh Hy Lạp, vốn cò cùng một phong cách, giờ đây lại hòa đồng làm một, nên hai nền văn minh này được gọi chung là văn minh Hy-La".

(Vũ Dương Ninh, Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục Việt Nam, tr 10)

a) Đoạn tư liệu trên cung cấp thông tin về sự hình thành nền văn minh Hy Lạp – La.Mã

b) La Mã là nền văn minh đầu tiên xuất hiện ở phương Tây.

c) Đến thế kỉ II TCN, người La Mã chinh phục và thủ tiêu nền văn hóa của Hy Lạp.

d) Trong tiến trình phát triển, người Việt Nam cũng tiếp thu có chọn lọc những ảnh.hưởng của văn minh phương Tây để làm đa dạng nền văn hóa của mình.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Thời cổ đại, phương Đông hình thành bốn trung tâm văn minh lớn là Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa. Do điều kiện tự nhiên thuận lợi, cư dân phương Đông cổ đại đã sớm. hình thành những nền văn minh ở lưu vực các con sông lớn. Một số nền văn minh phát triển rực rỡ đến thời trung đại. Văn minh phương Tây ở khu vực Địa Trung Hải ra đời muộn hơn, đầu tiên ở Hi Lạp và sau đó ở La Mã. Nền văn minh Hi Lạp – La Mã cổ đại đạt được nhiều thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển ở thời Phục hưng, tạo nền tảng cho văn minh châu Âu sau này.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ chân trời sáng tạo, tr. 17)

a) Thời cổ đại, ở phương Đông hình thành được tất cả bốn nền văn minh, bao gồm Ai Cập,.Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa.

b) Trung Hoa là nền văn minh duy nhất ở phương Đông phát triển liên tục từ thời cổ đại.đến thời trung đại.

c) Đặc điểm chung của các nền văn minh ở phương Đông là đều được hình thành trên lưu.vực các con sông lớn.

d) Văm minh phương Tây ra đời muộn hơn văn minh phương Đông và kế thừa toàn bộ.những thành tựu của văn minh phương Đông.

Phần III: Tự luận

Câu 1. Trình bày những đóng góp của văn minh phương Tây đối với nhân loại.

Câu 2. Nêu những thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Tây thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học ?

Chủ đề 4: Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới

Bài 6: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI

hần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Năm 1764, người thợ dệt Giêm Ha-gri-vơ (Anh) đã sáng chế ra:

A. máy hơi nướ.c) **B.** máy kéo sợi Gien-ni.

C. đầu máy xe lửa. **D.** máy dệt chạy bằng sức nước.

Câu 2. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật và máy móc ở Anh diễn ra đầu tiên trong ngành:

A. dệt. **B.** luyện kim. **C.** giao thông vận tải. **D.** khai thác mỏ.

Câu 3. Năm 1784, Giêm Oát đã phát minh ra:

A. con thoi bay. **B.** máy dệt. **C.** máy hơi nước. **D.** đầu máy xe lửa.

Câu 4. Một trong những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) là:

A. máy hơi nướ.c) **B.** đầu máy xe lử .a) **C.** con thoi bay. **D.** điện.

Câu 5. Quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (giữa thế kỉ XVIII) là:

A. Anh. **B.** Mĩ. **C.** Đức. **D.** Pháp.

Câu 6. Nghành nào sau đây không phải là thành tựu về kĩ thuật trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

A. Dệt. **B.** Luyện kim. **C.** Giao thông vận tải. **D.** Thông tin liên lạc.

Câu 7. Phát minh nào sau đây đã tạo ra nguồn động lực mới, làm giảm sức lao động cơ bắp của con người?

A. Con thoi bay. **B.** Máy dệt. **C.** Máy hơi nước. **D.** Đầu máy xe lửa.

Câu 8. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai?

A. Tạo ra nhiều nguyên liệu mới. **B.** Thúc đẩy công nghiệp phát triển.

C. Nâng cao năng xuất lao động. **D.** Thúc đẩy các cuộc chiến tranh xâm lược.

Câu 9. Nội dung nào sau đây không phải là tác động của Các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại?

A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động.

B. Hình thành và phát triển các trung tâm công nghiệp, thành thị.

C. Gây ô nhiễm môi trường, xâm chiếm và bóc lột thuộc địa.

D. Thúc đẩy toàn cầu hóa, thương mại điện tử, tự do thông tin.

Câu 10. Một trong những bài học quan trọng rút ra từ các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay là:

A. coi trọng việc áp dụng khoa học – kĩ thuật.

B. đẩy mạnh tham gia các liên minh khu vực.

C. chú trọng mua bằng phát minh, sáng chế.

D. khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng hệ quả tích cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại?

A. Thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.

B. Nhiều trung tâm công nghiệp mới hình thành.

C. Thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp.

D. Giải quyết triệt để mâu thuẫn trong xã hội tư bản.

Câu 12. Nội dung nào không phản ánh đúng những tác động tiêu cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại?

A. Ô nhiễm môi trường. **B.** Bóc lột lao động phụ nữ và trẻ em.

C. Người lao động có nguy cơ mất việc làm. **D.** Sự xâm chiếm và tranh giành thuộc địa.

Câu 13. Ở thế kỉ XVIII, nhà phát minh vĩ đại nào được tôn vinh là "người nhân lên gấp bội sức mạnh của con người"?

A. Giêm Oát. **B.** Giêm Ha-gri-vơ. **C.** Ác-crai-tơ. **D.** Ét-mơn Các-rai.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây phản ánh không đúng về kết quả của các cuộc cách mạng công nghiệp ở các nước tư bản thời kì cận đại?

A. Hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản là tư sản và vô sản.

B. Góp phần thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp và giao thông vận tải.

C. Nâng cao năng suất lao động và làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản.

D. Làm tiền đề dẫn đến sự bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm thay đổi diện mạo các nước tư bản. Máy hơi nước đã tạo ra nguồn động lực mới, dùng máy móc thay thế sức lao động của con người, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa. Những tiến bộ về kĩ thuật. cũng đã mở ra khả năng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất, sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng. Với thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, máy móc đã thay thế cho lao động tay chân của con người và chuyển nền sản xuất từ thủ công sang cơ khí hóa.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã chuyển nền sản xuất từ cơ khí hóa sang điện khí hóa, làm thay đổi căn bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa".

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều , tr.35)

a) Đoạn trích phản ánh tác động toàn diện của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận.đại đối với đời sống con người.

b) Với sự ra đời của máy hơi nước, lần đầu tiên lao động máy móc đã thay thế cho lao động.tay chân của con người.

c) Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất mở ra thời kì cơ khí hóa sản xuất, còn cách mạng.công nghiệp lần thứ hai mở ra thời kì điện khí hóa và tự động hóa nền sản xuất.

d) Cả hai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đều làm thay đổi cách.thức sản xuất để tạo của cải vật chất của con người.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sản lượng thép của các nước:

Nước	Năm 1880 (Triệu tấn)	Năm 1900 (Triệu tấn)	Tỉ lệ tăng (%)

Anh	1,3	4,9	377
Mỹ	1,2	10,2	850
Đức	0,7	6,4	910

Năm 1860, Anh và Pháp đứng đầu và thứ hai trong nền sản xuất công nghiệp thế giới, nhưng đến năm 1913, Mỹ và Đức lại chiếm hai vị trí đó.
(Theo Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, Lịch sử thế giới cận đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr.230,286)

a) Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sản lượng thép của các nước tư bản tăng lên nhanh chóng.là nhờ những tiến bộ kĩ thuật trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.

b) Từ năm 1860 đến năm 1913, vị thế trong sản xuất công nghiệp của các nước Anh, Pháp,.Mĩ, Đức trên thế giới có sự thay đổi.

c) Anh, Mỹ, Đức đều là những quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai.nhưng tốc độ tăng trưởng trong ngành sản xuất thép không đồng đều.

d) Từ năm 1880 đến năm 1900, tốc độ tăng trưởng sản lượng thép của nước Đức gấp hơn.9 lần tốc độ tăng trưởng sản lượng thép của nước Anh.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:
Làn sóng công nghiệp hóa, mức tăng dân số cao, quá trình đô thị hóa tăng tốc đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt các nước tư bản phương Tây những năm đầu thế kỉ XX. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, khoảng gần 50% dân số các nước phương Tây sống trong các đô thị. Những tòa nhà chọc trời bắt đầu được xây dựng như một biểu trưng cho sự phồn vinh của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mà Mĩ là nước đi đầu. Năm 1885, tòa nhà 10 tầng đầu tiên được xây dựng ở Chicagô, sau đó là tòa nhà cao 57 tầng được khánh thành ở New York năm 1913. Xã hội công nghiệp dần dần hình thành trong lòng các nước tư bản phương Tây giàu có và thật sự khẳng định ưu thế, sức mạnh của nó đối với phần còn lại của thế giới.
(Trần Thị Vinh, Chủ nghĩa tư bản lịch sử thăng trầm 120 năm (1900 – 2020), NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 81)

a) Đoạn tư liệu phản ánh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỉ XIX đầu.thế kỉ XX về mặt xã hội.

b) Sự phát triển nhanh chóng của nền sản xuất vật chất cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã.kéo theo những biến đổi quan trọng trong cơ cấu dân cư các nước tư bản chủ nghĩa.

c) Đầu thế kỉ XX, do sự suy giảm của nông nghiệp và sự phát triển của công nghiệp, dân.số sống trong các đô thị ở phương Tây đã chiếm một nửa tổng dân số đất nước

d) Sự xuất hiện của các trung tâm kinh tế như Chicagô, New York là hệ quả tất yếu của quá.trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở các nước phương Tây cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Phần III: Tự luận

Câu 1. Nêu những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai? Đâu là phát minh quan trọng nhất? Vì sao?
- Thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

Câu 2. Trình bày ý nghĩa và tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa, xã hội?

BÀI 7: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỷ XX) là:

A. máy tính. **B.** máy vô tuyến điện. **C.** điện thoại. **D.** máy hơi nước.

Câu 2. Con người có thể mua sắm hàng hóa, dịch vụ bằng hình thức trực tuyến nhờ sự phát triển của yếu tố nào sau đây?

A. Máy tính điện tử. **B.** Mạng internet. **C.** Trí tuệ nhân tạo. **D.** Công nghệ tự động hóa.

Câu 3. Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra từ đầu thế kỷ XXI còn được gọi là:

A. cách mạng kỉ thuật số. **B.** cách mạng công nghiệp nhẹ.

C. cách mạng kỉ thuật. **D.** cách mạng 4.0.

Câu 4. Thành tựu nào sau đây không phải là của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (đầu thế kỷ XXI)?

A. Internet vạn vật. **B.** Máy hơi nướ.c) **C.** Công nghệ thông tin. **D.** Trí tuệ nhân tạo.

Câu 5. Thành tựu trong công cuộc chinh phục vũ trụ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỷ XX) gắn liền với hai cường quốc Mỹ và:

A. Anh. **B.** Trung Quốc. **C.** Liên Xô. **D.** Ấn Độ.

Câu 6. Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỷ XX)?

A. Công nghệ in 3D. **B.** Mạng Internet không dây.

C. Máy tính điện tử. **D.** Chinh phục vũ trụ.

Câu 7. Hạn chế lớn nhất của sự phát triển internet hiện nay là:

A. giao lưu văn hóa giữa các quốc gia dễ dàng. **B.** dễ bị thâm nhập, đánh mất dữ liệu cá nhân.

C. con người giao tiếp, trao đổi nhanh chóng. **D.** giải phóng sức lao động của con người.

Câu 8. Tác động lớn nhất của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là:

A. có tác động tích cực đối về xã hội.

B. có tác động tích cực đối về văn hóa.

C. có tác động tích cực đối về văn hóa - xã hội.

D. thúc đẩy quá trình khu vực hóa – toàn cầu hóa.

Câu 9. Một trong những tác động tích cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là?

A. Người lao động có trình độ chuyên môn cao.

B. Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

C. Gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

D. Con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

Câu 10. Một trong những tác động tích cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là?

A. Giao lưu văn hóa giữa các quốc gia thuận tiện.

B. Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

C. Gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

D. Con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

Câu 11. Sự phát triển của Internet hiện nay làm cho việc tìm kiếm và chia sẽ thông tin vô cùng nhanh chóng và thuận tiện, tuy nhiên nó cũng có hạn chế về

A. thay đổi thế giới quan của con người.

B. dễ bị thâm nhập, đánh mất dữ liệu cá nhân.

C. con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

D. tính chính xác của thông tin được chia sẻ.

Câu 12. Một trong những tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là:

A. người lao động có trình độ chuyên môn cao.

B. con người giao tiếp rất tiện lợi, nhanh chóng.

C. giao lưu văn hóa giữa các quốc gia thuận tiện.

D. con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

Câu 13. Cách mạng công nghiệp 4.0 có những tác động tích cực đối với nhân loại, tuy nhiên nó cũng có điểm hạn chế về vấn đề

A. ô nhiễm môi trường. **B.** an ninh mạng.

C. quyền riêng tư. **D.** an ninh mạng và quyền riêng tư.

Câu 14. Một trong những tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là:

A. người lao động có trình độ chuyên môn cao.

B. con người giao tiếp rất tiện lợi, nhanh chóng.

C. giao lưu văn hóa giữa các quốc gia thuận tiện.

D. nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

Câu 15. Một trong những tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là:

A. người lao động có trình độ chuyên môn cao.

B. con người giao tiếp rất tiện lợi, nhanh chóng.

C. giao lưu văn hóa giữa các quốc gia thuận tiện.

D. làm gia tăng xung đột giữa nhiều yếu tố.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Liên quan tới cách mạng công nghiệp 4.0, rất nhiều người đã đưa ra những "dự đoán tương lai" phong phú. Phổ biến nhất là dự đoán cho rằng lao động hiện tại sẽ bị AI, Robot và IoT thay thế. Một trong những dự đoán thuộc kiểu này cho rằng đến năm 2035, 34% lao động tại Anh, 42% lao động tại Mĩ, 49% lao động tại Nhật Bản sẽ bị AI và Robot thay thế.

Năm 2035, tức là sau 15 năm nữa, người ta cũng dự đoán rằng do lái xe tự động mà 98% lao động trong ngành vận tải (taxi, xe buýt, vận chuyển bằng xe tải) sẽ thất nghiệp, các cửa hàng sẽ dần không còn người phục vụ và số lượng người lao động trong lĩnh vực tài chính, bác sĩ, luật sư cũng giảm mạnh"

(Manabu Sato, (Nguyễn Quốc Vương dịch), Cách mạng công nghiệp 4.0 và tương lai giáo dục, NXB Dân trí, Hà Nội, 2023, tr.12)

a) Đoạn tư liệu đưa ra những dự đoán về sự thay đổi của lực lượng lao động dưới tác động.của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b) Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư chỉ dẫn đến những hệ lụy tiêu cực cho lực lượng.lao động trong tương lai.

c) Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn đến nguy cơ tình trạng thất nghiệp trên toàn.cầu sẽ gia tăng.

d) AI, Robot chỉ có thể thay thế sức lao động của con người trong lĩnh vực sản xuất vật.chất.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Động lực chính của hai cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại là khoa học và công nghệ số.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba bắt đầu với sự ra đời và lan tỏa của công nghệ thông tin, sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Cuộc cách mạng này thường được gọi là cuộc cách mạng máy tính hay cách mạng số bởi vì nó được xúc tác bởi sự phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính, máy tính cá nhân (thập niên 1970 và 1980) và internet (thập niên 1990). Công nghệ logic kĩ thuật số, OSFET (bóng bán dẫn MOS), chip mạch tích hợp (IC) và các công nghệ dẫn xuất của chúng bao gồm máy tính,. bộ vi xử lý, điện thoại di động và internet đã làm thay đổi các kĩ thuật sản xuất và kinh doanh truyền thống, tăng năng suất và là động lực thúc đẩy cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có động lực là sự kết hợp của vật lý/hữu hình (trí tuệ nhân tạo AI, in 3D, vật liệu thông minh, robot AI, xe tự lái…), công nghệ số (trí tuệ nhân tạo – AI, vạn vật kết nối – IoT) và công nghệ sinh học (biến đổi gen, liệu pháp gen, công nghệ nano).

(Sách giáo viên Lịch sử 10, bộ chân trời sáng tạo, tr.104)

a) Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và cách mạng công nghiệp lần thứ tư là các cuộc cách.mạng công nghiệp thời kì cận đại.

b) Những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã tạo tiền đề thúc đẩy sự phát.triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Ba động lực chính của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là vật lý/hữu hình, công.nghệ số và công nghệ sinh học.

d) Các động lực chính của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có quan hệ chặt chẽ với.nhau và quan hệ chặt chẽ với các công nghệ khác.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1972, tiến sĩ A – lan Kay, một nhà khoa học máy tính ở Mỹ, đã trình bày khái niệm về máy tính cá nhân. Năm 1973, máy tính Alto được ra mắt, được trang bị một giao diện đồ họa (GUI) và là thế hệ đầu tiên của máy tính cá nhân. Giao diện này cho phép người dùng có hình ảnh trực quan hơn thông qua việc sử dụng các thiết bị trỏ như chuột hoặc bàn cảm ứng. Năm 1984, Ma – xin – tốt, một máy tính cá nhân được trang bị hệ điều hành và giao diện đồ họa được phát triển bởi công ty máy tính Apple tại Mỹ. Sự ra đời của giao diện đồ họa (GUI) đã hiện thực hóa việc người dùng phổ thông có thể sử dụng được máy tính bởi chúng cung cấp một hệ sinh thái thân thiện với người dùng. Những năm sau đó, giá thiết bị giảm xuống làm cho việc sử dụng máy tính cá nhân trở nên cực kì phổ biến.

(Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2018), "Định hướng hiện thực hóa xã hội siêu thông minh của Nhật Bản", Tổng luận Khoa học – công nghệ, số 4, tr.4)

a) Máy tính cá nhân ra đời đầu tiên ở nước Mĩ vào thập niên 70 của thế kỉ XIX.

b) Máy tính cá nhân ra đời là một trong những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công.nghiệp lần thứ ba.

c) "Alto" và "Ma – xin – tốt" được nhắc đến trong đoạn tư liệu là các thế hệ khác nhau của.máy tính cá nhân.

d) Một trong những nguyên nhân khiến việc sử dụng máy tính cá nhân ngày càng trở nên.phổ biến là do chi phí sản xuất ngày càng rẻ.

Phần III: Tự luận

Câu 1. Trình bày ý nghĩa và tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa, xã hội?

Câu 2. Từ ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư đối với sự phát triển kinh tế, em hãy liên hệ với Việt Nam?

HẾT